

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 25/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hiền và ông Nguyễn ThA Bắc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 21/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Hoàng A, sinh ngày 09/4/1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm H, xã Kh, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Tiền án, tiền sự: Không

Con ông: Phạm Minh Đ, sinh năm 1963 và bà Đàm Thị M, sinh năm 1964. Gia đình 03 A chị em; bị cáo là con thứ ba trong gia đình, có vợ là Võ Thị Tr, sinh năm 1994, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018. Hiện bị cáo tạm giam từ ngày 29/10/2019 cho đến nay.

(có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

A Bàn Văn T, sinh năm: 1986 – vắng mặt

Trú tại: xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Người có nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đàm Thị M, sinh năm 1964

Trú tại: xóm H, xã Kh, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên - có mặt

2. A Bùi Văn S, sinh năm 1993

Trú tại: xóm H, xã Kh, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên - có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 00 ngày 26/10/2019, Phạm Hoàng A đi bộ từ nhà đến nhà A Vũ Văn T, Sinh năm: 1989, Trú tại: xóm L, xã Kh, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mục đích hỏi mượn điện thoại của A T để gọi điện cho hãng Taxi Bình An đến đón đi ra Thị trấn H, huyện Đ để A đi mua ma túy sử dụng cho bản thân. Sau khi mượn được điện thoại của A T, A đã gọi điện cho hãng taxi Bình An để đặt 01 chiếc xe taxi vào đón A tại xóm L, xã Kh, huyện Đ. Sau đó A tiếp tục gọi điện cho bạn là Bùi Văn S để hỏi vay tiền của S. Do S không cho A vay tiền nên A đã nhờ S đi đến bãi keo thuộc xóm Đ, xã Kh, huyện Đ để đón A.

Do không vay được tiền của S nên A đã nảy sinh ý định cướp tài sản của người lái xe taxi sẽ đến đón A để lấy tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 06 giờ 15 phút cùng ngày, Anh Bàn Văn T là lái xe hãng taxi Bình An điều khiển xe ô tô BKS 20A-18272 đến khu vực xóm L, xã Kh, huyện Đ đón A. Khi anh T điều khiển xe đi đến, A mở cửa lên xe ô tô ngồi ở ghế phía sau ghế lái nơi anh T ngồi và bảo anh T điều khiển xe taxi đi vào khu vực đồi keo thuộc xóm Đ, xã Kh, huyện Đ. Do không biết được ý định của A nên anh T điều khiển xe ô tô đi theo chỉ dẫn của A. Lúc này A dùng tay phải cầm 01 con dao nhọn (do A nhặt được ngày 25/10/2019, dài khoảng 30 cm, chuôi bằng gỗ để trong túi ni lông màu đỏ mang theo sẵn) kề vào cổ anh T, tay trái A giữ vai của anh T và nói với anh T “Đưa tiền đây, tao chỉ cần tiền thôi”. Bất ngờ bị đối tượng dùng hung khí kề vào cổ nên anh T không thể chống đỡ được, do sợ đối tượng có thể gây thương tích hoặc làm tổn hại đến sức khỏe của bản thân nên anh T dừng xe lại và nói với A tiền ở trong túi áo ngực. A liền dùng tay trái lục túi áo của Anh T lấy được số tiền 2.380.000 đồng và bảo anh T “Đưa nốt điện thoại đây”. Do đang bị kề dao vào cổ nên anh T tiếp tục lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 đưa cho A. Lấy được điện thoại A cho vào túi ni lông màu đỏ rồi mở cửa xe bỏ chạy về hướng nhà văn hóa xóm H, xã Kh, huyện Đ. Khi bỏ chạy được khoảng 500 mét thì A gặp S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Winner BKS 20F1-42261 đi đến.

Do không biết A vừa thực hiện hành vi phạm tội nên S đèo A đến khu vực xã L, huyện Đ. Trên đường đi, A nhờ S chở xuống Thành phố Th nhưng S không đồng ý. A đưa cho S 500.000 đồng (A nhờ S cầm tiền để mang đi chuộc lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của S do S đã cầm trước đó lấy tiền để cho A vay). S cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà còn A xuống xe đứng ở khu vực chùa L sau đó bắt xe ôm của một người không quen

biết đến khu vực bờ suối Riều thuộc xã Kh, huyện Đ để lẫn trốn. Số tiền chiếm đoạt của anh T còn lại, A đã chi tiêu cá nhân và mua ma túy của người phụ nữ không quen biết sử dụng cho bản thân.

Anh Bàn Văn T, sau khi bị chiếm đoạt tài sản đã trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra truy xét, ngày 29/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã làm rõ Phạm Hoàng A là người thực hiện hành vi cướp tài sản của anh T như đã nêu trên nên đã triệu tập A đến cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ làm việc, thu giữ trên người A số tiền 15.000 đồng và vật chứng có liên quan khác.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6 (Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 61 ngày 14/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung J6 màu ghi, mua mới tháng 01/2019 có giá trị là 1.500.000 đồng) và 01 con dao chuôi bằng gỗ, bản rộng nhất khoảng 3-4cm. Quá trình điều tra xác định A đã làm rơi chiếc điện thoại và con dao khi bỏ trốn tại khu vực suối Riều, xã Kh, huyện Đ. Hiện cơ quan điều tra chưa truy tìm được 02 vật chứng nêu trên.

+ 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng có trọng lượng 0,060 gam thu giữ của A (Tại kết luận giám định số 1487 ngày 02/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,060gam); 01 kim tiêm xi lanh bằng nhựa màu trắng loại 3ml (A dùng để sử dụng ma túy). Xét thấy hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của A chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự nên Công an huyện Đại Từ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Còn chiếc xy lanh được chuyển theo hồ sơ vụ án.

+ Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đã thu giữ của Bùi Văn S 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner BKS 20F1-42261, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có vỏ màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đã trả lại cho Bàn Văn S quản lý và sử dụng.

+Số tiền 15.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam thu của A đang được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 và số tiền 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam tạm giữ của S được niêm phong vào túi niêm phong mã số NS3 108530 gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Đại Từ đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSĐT ngày 21/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Phạm Hoàng A về

tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

Tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi vi phạm pháp luật như bản cáo trạng đã nêu trên.

Kết thúc xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ trình bày luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Phạm Hoàng A phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo A từ 08 đến 09 năm tù.

Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Phản tranh luận bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử của Tòa án là đúng người đúng tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa công khai, bị cáo khai: khoảng 06 giờ 15 phút ngày 26/10/2019, tại đường dân sinh thuộc địa phận xóm Đ, xã Kh, huyện Đ, Phạm Hoàng A đã dùng 01 con dao dài khoảng 30 cm kề vào cổ Anh Bàn Văn T, khống chế để chiếm đoạt của anh T 2.380.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6 có giá trị 1.500.000 đồng sau đó bỏ trốn.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người bị hại, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Như vậy, bị cáo đã dùng dao khống chế Anh Bàn Văn T trên xe tắc xi tại nơi vắng vẻ làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự để chiếm đoạt tài sản tổng giá trị là 3.880.000đ. Ý thức và hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS.

Nội dung điều luật quy định như sau:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

d. Sử dụng... phương tiện...nguy hiểm.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét hành vi đánh bạc của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “ Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” và “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đàm Thị M (mẹ đẻ của A) đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho Anh Bàn Văn T số tiền 06 triệu đồng. Anh T không yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bà M không yêu cầu bị cáo phải trả bà khoản tiền trên, bị cáo cũng nhất trí nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này.

{6}. Về vật chứng:

Quá trình điều tra thu giữ 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng có trọng lượng 0,060 gam thu giữ của Hoàng A (Tại kết luận giám định số 1487 ngày 02/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,060gam); 01 kim tiêm xi la bằng nhựa màu trắng loại 3ml (Hoàng A dùng để sử dụng ma túy). Xét thấy hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Hoàng A chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự nên Công an huyện Đại Từ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật là phù hợp.

+ Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đã thu giữ của Bùi Văn S 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner BKS 20F1-42261, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có vỏ màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng. Xét thấy không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đã trả lại cho Bàn Văn S quản lý và sử dụng là phù hợp.

+ Số tiền 15.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam thu của Hoàng A đang được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 và số tiền 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam tạm giữ của S được niêm phong vào túi niêm

phong mã số NS3 108530 gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Đại Từ đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Tại phiên tòa S không yêu cầu lấy lại số tiền trên nên S quỹ nhà nước. Tạm giữ số tiền 15.000đ của bị cáo để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. 01 xi lanh được niêm phong trong bì ký hiệu M2, xét cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 2.380.000đ (hai triệu ba trăm tám mươi ngàn) bị cáo lấy của người bị hại, mẹ bị cáo đã bồi thường cho người bị hại và không yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền trên. Do vậy số tiền trên đối với bị cáo là thu lời bất chính cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Liên quan đến vụ án Hoàng A khai nhận: S là người đã điều khiển xe mô tô chở Hoàng A bỏ trốn. Trên đường bỏ trốn Hoàng A đã nói cho S biết Hoàng A vừa cướp được tiền và đưa cho S số tiền 500.000 đồng. Tuyên là người cho Hoàng A mượn điện thoại để gọi taxi Bình An. Quá trình điều tra xác định ngoài lời khai của Hoàng A thì không còn tài liệu nào khác xác định S biết Hoàng A thực hiện hành vi phạm tội và Tuyên không biết việc Hoàng A cướp tài sản. Số tiền 500.000 đồng là tiền Hoàng A trả nợ vì đã vay của S trước đó nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với S, Tuyên.

Số tiền chiếm đoạt của anh T, Hoàng A khai nhận đã đi mua ma túy của một người phụ nữ không quen biết, mua xi lanh ở một hiệu thuốc, mua bánh kẹo ở khu vực di tích lịch sử 27.7 thuộc Thị trấn H, huyện Đ và thuê xe ôm chở đi mua những thứ trên. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ của những người đã bán ma túy, bánh kẹo, xi lanh và lái xe ôm chở Hoàng A nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ không có căn cứ để xem xét xử lý.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Hoàng A đã đến nhà Anh Đàm Văn Ph để tắm và ăn cơm trưa. Quá trình điều tra xác định Hoàng A không nói và anh Ph cũng không biết việc Hoàng A cướp tài sản nên không xem xét xử lý đối với Ph.

Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội Hoàng A dùng dao kề vào cổ anh T làm xước da ở vùng cổ họng anh T. Anh T không phải đi bệnh viện điều trị và từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

{7}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định nộp ngân sách nhà nước và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hoàng A phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2019.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo 15.000 đồng (mười lăm ngàn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (trong bì ký hiệu M1).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (trong túi niêm phong mã số NS3 108530 gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Đại Từ đã được chuyển đến Chi cục THA dân sự huyện Đại Từ).

Tịch thu tiêu hủy 01 xi lanh được niêm phong trong bì ký hiệu M2.

Truy thu khoản tiền 2.380.000đ (hai triệu ba trăm tám mươi ngàn) của bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 17/01/2020 giữa Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và Chi cục THA dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.)

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo A phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp NSNN.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có quyền lợi liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND huyện Đại Từ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên(1b)
- Chi cục THADS H. Đại Từ (1b);
- THAHS (2b);
- Bị cáo (1b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỒNG MÂY